

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Ninh Giang thuộc Công an tỉnh Hải Dương tại xã Đồng Tâm và xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương của Công an tỉnh Hải Dương

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 703/STNMT-CCBVMT ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Ninh Giang thuộc Công an tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-TNMT ngày 04 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Ninh Giang thuộc Công an tỉnh Hải Dương (sau đây gọi là Dự án) thực hiện tại xã Đồng Tâm và xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương do Công an tỉnh Hải Dương là Chủ dự án với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công an tỉnh Hải Dương;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Ninh Giang;
- UBND các xã Đông Tâm, Vĩnh Hòa;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Ninh Giang thuộc Công an tỉnh
Hải Dương tại xã Đồng Tâm và xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang,
tỉnh Hải Dương của Công an tỉnh Hải Dương

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cơ sở làm việc Công an huyện Ninh Giang thuộc Công an tỉnh Hải Dương.
- Địa điểm thực hiện: Xã Đồng Tâm và xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Công an tỉnh Hải Dương.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Quy mô sử dụng đất của Dự án là 21.308 m² thuộc xã Đồng Tâm và xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.
- Mục tiêu của Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Ninh Giang đảm bảo sử dụng ổn định, lâu dài, đáp ứng điều kiện làm việc, ăn, ở, ứng trực cho cán bộ chiến sỹ Công an huyện.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình xây dựng

- Các hạng mục thuộc trụ sở làm việc: Nhà làm việc (576 m²); nhà ở doanh trại CBCS (350 m²); nhà trực tiếp dân (180 m²); nhà để xe ô tô đơn vị (142 m²); nhà để xe 2 bánh CBCS (200 m²); nhà trực bảo vệ (nhà thường trực) (10 m²); nhà trạm bơm, máy phát điện (30 m²).
- Các hạng mục thuộc khu tạm giam: Nhà tạm giam 30 phạm nhân (272 m²); nhà phụ trợ (219,4 m²); nhà bếp phạm nhân (84 m²); chòi gác (8 m²).
- Nhà kho vật chứng và bãi tạm giữ phương tiện: Nhà kho vật chứng (159 m²); sân đường, bãi tạm giữ phương tiện (250-300 m²); nhà tạm giữ hành chính (80 m²).
- Các hạng mục công trình phụ trợ: Sân điều lệnh (984 m²), cây xanh + sân tập luyện thể dục thể thao (11.792,6 m²).
- Các hạng mục bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải sinh hoạt (50 m²).

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng của Dự án:

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, chất thải, máy móc thiết bị.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Hoạt động thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

+ Hoạt động của công nhân tham gia xây dựng, lắp đặt thiết bị.

- Trong giai đoạn hoạt động:

+ Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Dự án.

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ, công dân đến làm việc và phạm nhân.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyên mục đích đất chuyên trồng lúa nước 19.924 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi; tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn xây dựng; tiếng ồn; chất thải nguy hại; sự cố cháy nổ; tai nạn lao động; ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải; chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động làm việc, sinh hoạt của cán bộ chiến sĩ, công dân đến làm việc và phạm nhân: Phát sinh nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; bùn thải từ bể phốt và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 2,25 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 0,225 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các

chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Khối lượng phát sinh 2,0 m³/ngày. Thành phần chính là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần của nước thải chủ yếu chứa đất, cát, dầu mỡ.

- Tác động do nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ,... nồng độ ô nhiễm thấp.

b) Giai đoạn vận hành

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ chiến sỹ, công dân đến làm việc và phạm nhân giam giữ là 15 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và các vi sinh vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Dự án phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thùng chứa rác thải: Thành phần khí thải phát sinh gồm: CH₄, H₂S, NH₃, mercaptan,... Lượng khí thải phát sinh ít, ảnh hưởng tới môi trường không đáng kể.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Không đáng kể.

- Bụi, khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động nấu ăn: Không đáng kể.

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ khoảng: 0,438 tấn.

- Chất thải từ hoạt động bóc tầng hữu cơ bề mặt khoảng: 4.981 m³.

- Chất thải xây dựng gồm đầu mẩu sắt thép, dây thép, tôn, gỗ vụn, gạch, đá... phát sinh chủ yếu do hao hụt, rơi vãi, hỏng hóc, khối lượng khoảng 0,54-10,72 tấn/ngày.

- Chất thải rắn trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị gồm bao bì carton, nilon, thùng xốp... khối lượng khoảng 10 kg.

- Chất thải sinh hoạt: Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thực phẩm, bao bì, vỏ chai,... Khối lượng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng là 15 kg/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 1,5 kg/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn trong quá trình hoạt động: Khối lượng thùng carton, bao bì nilong bọc thành phẩm bị rách, hỏng, chất thải từ khu vực văn phòng như giấy báo rách hỏng khoảng: 3-5 kg/ngày; cành cây, lá cây trong quá trình vệ sinh sân đường nội bộ khoảng 2 kg/ngày; bụi bẩn trong quá trình vệ sinh sân đường, kho chứa khoảng 2 kg/ngày; mực in thải khu vực văn phòng khoảng 2 kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh là 90 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực, thực phẩm,...

- Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: 1-2 tấn/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị với khối lượng khoảng 98 kg/tháng. Thành phần bao gồm: dầu thải; gãy tay, giẻ lau dính dầu; bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng; kim loại thải, ốc quy hỏng; xỉ hàn; vỏ thùng sơn.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án khoảng 13 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có linh kiện điện tử (tắc te, bóng lưu điện, bóng đèn led,...); pin, ốc quy thải.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, sự cố từ hệ thống xử lý nước thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom bằng 03 nhà vệ sinh lưu động. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí hố ga lắng cặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Nước thải rửa xe: Xây dựng 02 hố ga (kích thước B x L x H = 2 m x 2 m x 1,2 m và 2 m x 1 m x 1 m). Nước được thu gom, lắng cặn và vớt váng dầu tại hố ga lớn (2 m x 2 m x 1,2 m) sau đó bơm sang hố ga nhỏ. Hố ga nhỏ dung tích 2 m³ để làm hố bơm, đơn vị thi công sử dụng bơm để bơm hút nước thoát ra hệ thống thoát nước thải thi công chung. Dầu mỡ thu được xử lý cùng với các chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công.

- Đối với nước thải thi công xây dựng: Thu gom về hố ga kích thước 1m x 1m x 1m để lắng đọng đất, cát,... trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng 04 bể tự hoại (01 bể dung tích 30 m³ đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh trụ sở làm việc; 01 bể dung tích 10 m³ đặt ngầm tại khu vực nhà vệ sinh thuộc khu tạm giam; 01 bể dung tích 10 m³ đặt ngầm tại khu vực nhà vệ sinh thuộc khu kho vật chứng; 01 bể dung tích 10 m³ đặt ngầm dưới khu nhà vệ sinh khu sân điều lệnh và tập luyện thể dục thể thao); nước thải khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ thể tích 8 m³ theo đường ống PVC D200 chiều dài 436 m về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý thoát ra mương phía Tây Bắc dự án bằng đường ống PVC D200 chiều dài 70 m qua 01 điểm xả.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm, quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại, nước thải khu vực nhà bếp qua bể tách mỡ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, C_{max} tương ứng K=1,2 thoát ra mương thoát nước phía Tây Bắc dự án (ven đường liên xã).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 2-3 m xung quanh khu đất thực hiện dự án; lắp đặt cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe, gầm xe hạn chế bụi phát sinh ra môi trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân đường nội bộ.

- Lắp đặt hệ thống hút mùi, quạt thông gió để giảm mùi tại khu vực nấu ăn.

- Thiết kế nắp đậy các hố ga, rãnh thu gom, bể xử lý nước thải để tránh phát tán mùi ra ngoài môi trường.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác dung tích 50 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển đến bãi tập kết rác thải của địa phương.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn là vỏ bao, sắt, thép thừa,... có thể tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị tái chế; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn, hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy để thu gom toàn bộ chất thải phát sinh. Ký hợp đồng với tổ thu gom rác thải của địa phương để thu gom, vận chuyển về nơi tập kết rác thải của địa phương, tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn trong quá trình hoạt động: Đối với chất thải tái chế được như bao bì carton, giấy vụn được thu gom bán cho đơn vị tái chế.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hố ga, bể phốt, bể tách mỡ: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, nạo vét với tần suất 6 tháng/lần.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải được thu gom bằng 06 thùng nhựa dung tích từ 50-100 lít có nắp đậy đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Các thùng thu gom được dán tên, mã chất thải nguy hại và đặt tại khu vực kho chứa tạm thời diện tích khoảng 5 m² tại khu vực cao ráo, có bố trí biển báo rõ ràng theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải được phân loại tại nguồn, để riêng vào các thùng có dung tích từ 100 lít đặt tại khu vực có diện tích khoảng 5 m² (nằm trong kho vật chứa). Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho cán bộ vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra. Khi hệ thống xảy ra sự cố kéo dài phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí (01 điểm tại khu vực cổng vào công trường; 01

điểm tại khu vực giữa công trường, 01 điểm tại khu vực giáp Công ty cổ phần đăng kiểm cơ giới Hải Dương).

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát nước thải công

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận.

- Các thông số giám sát: pH, TSS, dầu mỡ khoáng, COD, BOD₅, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, mức B, giá trị C_{max} với hệ số K_f = 1,2 và K_q = 0,9.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định

- Tần suất: Giám sát thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát khí thải:

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát khí thải theo quy định tại khoản 1, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Tổ chức hoạt động giám sát chất rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ trong quá trình hoạt động theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án./.